

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 29/2020/HSST
Ngày 03-04/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường, là Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện VKSND huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hữu, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2020/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2020 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/HSST-QĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn H**, sinh ngày 08/8/1986 tại Quảng Bình; (tên gọi khác: H... DJ); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện, tỉnh Q; Chỗ ở: thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ1; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Hoàng Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (SN 1962); Có vợ là Đào Bảo N (SN 1999) – **đã ly hôn** và 01 con sinh năm 2018; Tiền sự: (01 tiền sự) về hành vi “Cố ý gây thương tích” bị xử phạt 2.500.000 đồng, chấp hành xong hình phạt ngày 11 tháng 6 năm 2019; Tiền án: tại bản án số 43/2019/HSST ngày 13/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đang bị tạm giam theo quyết định thi hành án phạt tù số 68/2019/QĐ-CA ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô - có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Lâm Văn Đ, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đ – vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn D, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Đ3 – có mặt.
2. Anh Phạm Văn N, địa chỉ: TDP 02, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đ3 - có mặt.
3. Chị Đào Bảo N, địa chỉ: Buôn K, xã Đ huyện K, tỉnh Đ3 - có mặt.
4. Ông Trần Văn T – vắng mặt và bà Bùi Thị H, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Đ3 – có mặt.
5. Ông Đào Ngọc T1, địa chỉ: Buôn K, xã Đ1, huyện K, tỉnh Đ3 – vắng mặt.
6. Bà Lê Thị C, địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ3 – vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Quốc V, địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đ – vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Văn H, địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03/02/2020 Hoàng Văn H cùng vợ là Đào Bảo N đi từ huyện C, tỉnh L về huyện K, tỉnh Đ3 bằng xe mô tô hiệu SYM màu đỏ - đen, biển kiểm soát 48C1 – 204.05. Trên đường đi, H gọi điện thoại cho Phạm Văn N nói N mượn xe máy cày cang vào xã Q chở gốc cây sung cho H. Trước đó, N đã mượn chiếc xe cang biển kiểm soát 48M – 6663 của ông Trần Văn T (là chú họ của N) để chở phân bón vào rẫy cho gia đình. Sau khi nghe điện thoại của H, N đồng ý rồi điều khiển xe máy cày cang đã mượn của ông T vào xã Q, huyện K để chở gốc cây sung. Trên đường đi, N gặp Nguyễn Văn D nên rủ D cùng đi, D để chiếc xe mô tô BKS 48H2 – 9546 lên thùng xe cang rồi cùng N đi xe máy cày cang vào điểm hẹn tại đoạn đường đối diện Công ty bò sữa thuộc thôn P, xã Q, huyện K, theo chỉ dẫn của H qua điện thoại. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H cùng N chạy xe mô tô đến điểm hẹn và mua cơm hộp cho D và N cùng ăn. Sau khi ăn cơm, thì H lấy 01 chiếc xà beng và 01 chiếc xà cạy (loại dùng để nhổ đinh) từ xe cang và chở N, còn D điều khiển xe mô tô chở N đến căn nhà rẫy của anh Lâm Văn Đ tại thôn P, xã Q, huyện K rồi dừng lại. H và N đi vào trong căn nhà, thấy không có người ở, nên N đã thay quần áo trong nhà. Trong lúc N và H vào trong nhà anh Đ, thì xảy ra mâu thuẫn tình cảm, N bỏ đi ra ngoài đường và đi bộ ngược ra hướng để xe cang. N hỏi H: “Gốc sung ở đâu?”, H nói “Gốc sung ở dưới kia, mấy đứa vào cạy lấy cho anh mấy tấm ván dũ”. H, D và N dùng xà beng, cây nhổ đinh cạy những tấm ván gỗ lát sàn nhà. Được một lúc, thì H nói N, D điều khiển xe máy cày cang lên để chở gỗ. D lấy xe mô tô chở N lại chỗ để xe máy cày cang để N điều khiển xe cang lên chỗ nhà anh Đ và cùng H tiếp tục tháo những tấm ván gỗ lát sàn. Khi tháo được 13 tấm thì bị anh Lê Quốc V và anh Nguyễn Văn H nhà gần đó phát hiện, tri hô nên cả bọn đã bỏ chạy.

Sau khi bỏ chạy, H và N chạy vào vườn cà phê của người dân gần đó nằm ngủ đến sáng ngày 04 tháng 02 năm 2020 đi vào trong khu vực làng Mông thuộc thôn P, xã Q chơi, đến đêm thì gọi điện thoại thuê xe taxi về lại nhà Đào Bảo N ở xã Đ, huyện K. Đối với Phạm Văn N và Nguyễn Văn D bị người dân phát hiện, khi đang đi bộ nên báo công an xã Q đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 20/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Krông Nô xác định 13 tấm gỗ ván, có tổng giá trị tại thời điểm là 1.932.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Nô.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKS, ngày 11/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Hoàng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn H đã không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cho rằng, bị cáo chỉ nhờ D và N cạy những tấm ván nhà anh Lâm Văn Đ cho bồ tức vì ghen tuông với chị N (vợ cũ của bị cáo). Bị cáo không có ý định xúi giục anh D và anh N trộm cắp những tấm ván này. Do vậy, việc VKSND huyện Krông Nô truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không đúng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn N và anh Nguyễn Văn Dg thừa nhận: Ngày 03/02/2020 hai anh được bị cáo H nhờ vào xã Q chở gốc sung. Tuy nhiên, đến 0 giờ ngày 04/02/2020, trong lúc chưa chở được gốc sung thì bị cáo xúi giục hai anh dùng xà beng cạy và trộm cắp 13 tấm ván của anh Đ. Trong lúc, đang cạy và vận chuyển ra khỏi căn chòi nhà anh Đ thì bị phát hiện nên bỏ chạy.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố hành vi của bị cáo Hoàng Văn H như bản Cáo trạng số 34/CT-VKS, ngày 11/8/2020. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Đối với 13 tấm ván gỗ cho anh Lâm Văn Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô đã trả lại tài sản không liên quan đến việc phạm tội là 01 xe máy cày cang BKS 48M – 6663 cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H và 01 xe mô tô hiệu SYM màu đỏ đen BKS 48C1 – 204.05 cho ông Đào Ngọc T1 là những chủ sở hữu hợp pháp. Tịch thu tiêu hủy: 01 xà beng bằng kim loại phi 20, dài 136cm, có 01 đầu nhọn, 01 đầu dẹp; 01 xà cạy (loại dùng để nhổ đinh) dài 63cm, 01 đầu dẹp, 01 đầu được uốn cong, tạo hình chữ V; 01 đèn pin màu đen, đã qua sử dụng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước vật chứng gồm: 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu KIMPLY, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Itell màu hồng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu VELL – CAN màu đen, đã qua sử dụng.

Bị cáo bào chữa cho rằng do bức tức, ghen tuông khi chị N (là vợ đã ly hôn) của bị cáo kể việc người yêu của chị N (là anh T1) đã từng ngồi ở chòi gỗ nhà anh Lâm Văn Đ để đánh bạc. Do đó, bị cáo nói anh T1, anh D và anh N bầy những tấm ván này lên, chứ không có mục đích trộm cắp chiếm đoạt những tấm ván này. Do vậy, việc VKSND huyện Krông Nô truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình viết bản tự khai, lời khai ban đầu của bị cáo tại Cơ quan điều tra bị cáo khai rằng bị cáo cùng chị N đi chơi từ huyện C, tỉnh L về và chiều tối ngày 03/02/2020 dừng lại nhậu với anh H tại xã Q, thuộc huyện Đ, tỉnh Đ3. Sau đó, tối cùng ngày bị cáo cùng chị N ngủ tại nhà ông T2 (bố anh Giảng A T3), thuộc xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ3. Đến khoảng 04 sáng ngày 04/02/2020 bị cáo và chị N bắt xe dịch vụ về nhà bố chị N tại xã Đ, huyện K. Bị cáo không gọi điện thoại, không có sự xúi giục hay rủ rê anh D và anh N trộm cắp 13 tấm ván của anh Lâm Văn Đ (bút lục 130-143 và 153-157). Tuy nhiên, sau đó tại bản tự khai (bút lục 226-227) và tại biên bản hỏi cung do VKSND huyện Krông Nô tiến hành lấy lời khai thì bị cáo lại thay đổi lời khai rằng sáng ngày 03/02/2020 bị cáo có điện thoại cho anh Trịnh Duy T3, anh Nguyễn Văn D và anh Phạm Văn N nhờ những người này mượn xe máy cày cang của ông Trần Văn T vào xã Q, huyện K chở gốc sung cho bị cáo. Tuy nhiên, tại nhà chòi của anh Lâm Văn Đ, thuộc thôn P, xã Q, huyện K, cả 04 người gồm bị cáo, anh T3, anh D, anh N dùng xà beng và một số dụng cụ khác bẩy những tấm ván này lên, chứ không có mục đích chiếm đoạt (bút lục 222-225). Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo khai nhận mâu thuẫn với chính lời khai của mình, mâu thuẫn với lời khai của chị N không có việc dừng nhậu với anh H, không có việc ngủ tại nhà ông Pá T2 như lời khai của bị cáo (bút lục 122-123); anh D và anh N là những người không có mâu thuẫn gì với bị cáo, hai anh này đều khai nhận bị cáo H xúi giục hai anh cùng trộm cắp 13 tấm ván của anh Đ, ngoài 03 người thực hiện hành vi trộm cắp (bị cáo H, D và N) thì không còn ai khác. Thời gian bị cáo và D, N thực hiện hành vi là lúc nửa đêm. Trong khi D và N cạy, gỡ những tấm ván thì bị cáo đã lái xe cày cang trở về địa điểm trộm cắp để chở những tấm ván này đi tiêu thụ thì bị phát hiện. Hơn nữa, kết quả xác minh ngày 03/02/2020 không có việc bị cáo và chị N đến gia đình ông T2, anh T1 như bị cáo khai báo (bút lục 78-81 và 106- 110). Anh Trịnh Duy T3 khai rằng từ rất lâu không gặp bị cáo. Vì vậy, lời khai của bị cáo có anh T3 cùng tham gia cạy ván là không đúng sự thật. Kết quả khám nghiệm hiện trường vị trí những tấm ván bị cáo và D, N trộm cắp nằm nửa bên trong, nửa ngoài (có sự dịch chuyển về tài sản) căn chòi gỗ của anh Định (bút lục 60-63). Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai báo quanh co, chối tội. Tuy nhiên, căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ...và tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng thời gian từ 23 giờ ngày 03/02/2020 đến 0 giờ ngày 04/02/2020, trong lúc đi chở gốc sung bị cáo Hoàng Văn H rủ rê anh Phạm Văn N và anh Nguyễn Văn D lợi dụng sự sở của anh Lâm Văn Đ trong

việc quản lý tài sản, đã có hành vi lén lút trộm cắp tài 13 tấm ván gỗ. Tổng giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.932.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng). Mặc dù giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới mức tối thiểu bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi vi phạm của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng và an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc lén lút, lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc quản lý để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của bản thân, quanh co, chối tội. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo.

[5] Trong vụ án có hành vi giúp sức của các đối tượng Phạm Văn N, Nguyễn Văn D. Tuy nhiên N, D chưa có tiền án, tiền sự gì, số tài sản trộm cắp được định giá dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Công an huyện Krông Nô đã ra quyết định xử lý hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với chị Đào Bảo N đi cùng Hoàng Văn H nhưng không được bàn bạc, không biết việc H cùng N, D lấy trộm ván gỗ nhà anh Lâm Văn Đ. Tại thời điểm H, N, D thực hiện hành vi trộm cắp, N do mâu thuẫn tình cảm với H đã bỏ đi. Do vậy, không đủ căn cứ xử lý đối với chị Đào Bảo N.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 13 tấm ván gỗ cho anh Lâm Văn Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận.

[8] Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử căn:

+ Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô đã trả lại tài sản không liên quan đến việc phạm tội là 01 xe máy cày cang BKS 48M – 6663 cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H; 01 xe mô tô hiệu SYM màu đỏ đen BKS 48C1 – 204.05 cho ông Đào Ngọc T1 và 01 chiếc xe mô tô hiệu Fesoti màu xanh, BKS 48H2 – 9546 của bà Lê Thị C là những chủ sở hữu hợp pháp.

+ Đối với 01 xà beng bằng kim loại phi 20, dài 136cm, có 01 đầu nhọn, 01 đầu dẹp; 01 xà cạy (loại dùng để nhổ đinh) dài 63cm, 01 đầu dẹp, 01 đầu được uốn cong, tạo hình chữ V; 01 đèn pin màu đen và 01 bình ắc quy, đã qua sử dụng là những công cụ bị cáo và những người liên quan sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu KIMPLY, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng của Phạm Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Itell màu hồng, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động hiệu VELL – CAN màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Hoàng Văn H là phương tiện bị cáo và những người liên quan sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 173 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn H** 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 43/2019/HSST ngày 13/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Krông Nô. Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/02/2020.

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô đã trả lại 01 xe máy cày cang BKS 48M – 6663 cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H và 01 xe mô tô hiệu SYM màu đỏ đen BKS 48C1 – 204.05 cho ông **Đào** Ngọc T1; 01 chiếc xe mô tô hiệu Fesoti màu xanh, BKS 48H2 – 9546 của bà Lê Thị C.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 xà beng bằng kim loại phi 20, dài 136cm, có 01 đầu nhọn, 01 đầu dẹp; 01 xà cạy (loại dùng để nhổ đinh) dài 63cm, 01 đầu dẹp, 01 đầu được uốn cong, tạo hình chữ V; 01 đèn pin màu đen và 01 bình ắc quy đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu KIMPLY, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng của Phạm Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Itell màu hồng, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động hiệu VELL – CAN màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Hoàng Văn H.

(Đặc điểm của những vật chứng trên như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 11/8/2020 giữa Công an huyện Krông Nô và Chi cục Thi hành án huyện Krông Nô).

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*** Quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở TP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Công an huyện Krông Nô;
- Bộ phận HSNVCS (CA huyện);
- THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm